

Số: 235/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 11 năm 2020

KẾ HOẠCH

**Triển khai Đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số -
Kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021-2025**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;
- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;
- Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam;
- Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030;
- Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29/5/2020 của Bộ Y tế ban hành kế hoạch hành động thực hiện chương trình truyền thông dân số đến năm 2030;
- Kế hoạch số 71-KH/TU, ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;
- Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 13/6/2018 về triển khai Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Truyền thông nâng cao nhận thức, thái độ, kỹ năng thực hành của vị thành niên và thanh niên (VTN/TN) và đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc giáo dục về dân số/sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình (DS/SKSS/KHHGD) cho VTN/TN nhằm giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn ở nhóm đối tượng này. Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống. Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Mục tiêu 1: Nâng cao kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành của VTN/TN về KHHGĐ.

- 85% nam, nữ thanh niên hiểu rõ được lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, các nội dung liên quan đến CS/SKSS/KHHGĐ.

- 85% VTN/TN được cung cấp, cập nhật kiến thức về DS/SKSS/KHHGĐ như các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn.

- 80% trẻ em VTN/TN hiểu và có kỹ năng thực hành về DS/SKSS/KHHGĐ như biết cách phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục, biết lựa chọn các biện pháp tránh thai phù hợp, hiểu được tác hại của việc phá thai, nắm được địa chỉ cung cấp các dịch vụ CS/SKSS/KHHGĐ.

b) Mục tiêu 2: Tăng cường cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ cho VTN/TN

- 85% VTN/TN được đáp ứng nhu cầu KHHGĐ.

- Giảm 1/3 số VTN/TN có thai ngoài ý muốn.

- Tăng 15% các điểm cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ thân thiện với VTN/TN.

c) Mục tiêu 3: Tạo môi trường gia đình, nhà trường và xã hội thân thiện đối với VTN/TN.

- 100% cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan tạo môi trường xã hội thân thiện, ủng hộ VTN/TN.

- 90% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục thực hiện tuyên truyền về DS/SKSS/KHHGĐ thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông, các buổi sinh hoạt ngoại khóa.

- 70% cha mẹ có con trong độ tuổi VTN/TN ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ DS/SKSS/KHHGĐ.

- 85% cha mẹ có con trong độ tuổi VTN/TN tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được cung cấp các thông tin về hậu quả tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tiến tới ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng này.

III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Giáo dục chuyển đổi hành vi

a) Lồng ghép các hoạt động của VTN/TN

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động cho VTN/TN trong hệ thống y tế các cấp.

- Lồng ghép nội dung giáo dục DS/SKSS/KHHGĐ cho VTN/TN vào các chuyên trang, chuyên mục, bài viết, phóng sự về VTN/TN của các cơ quan truyền thông đại chúng, nhất là trên các trang thông tin điện tử.

-Tiếp tục thực hiện tuyên truyền về DS/SKSS/KHHGD thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông, các buổi sinh hoạt ngoại khóa.

b) Hoạt động truyền thông chuyên biệt

- Mô hình truyền thông chuyên biệt cho VTN/TN được xác định là việc giáo dục, truyền thông về kiến thức và kỹ năng thực hành về DS/SKSS/KHHGD cho VTN/TN.

+ Người làm truyền thông, tư vấn: Hoạt động truyền thông chuyên biệt này thực hiện bởi những người không chỉ có kiến thức chuyên môn và kỹ năng truyền thông về DS/SKSS/KHHGD mà còn được trang bị kiến thức về tâm sinh lý của VTN/TN, kỹ năng tiếp cận, làm việc với VTN/TN, bảo đảm tính riêng tư, bảo mật, đồng cảm, tế nhị, bình đẳng, không phán xét đối với VTN/TN. Người thực hiện các hoạt động truyền thông chuyên biệt cũng có thể là chính các VTN/TN, những người đồng đẳng, những thành viên trong gia đình, nhà trường.

+ Phương thức, kênh truyền thông: không gian truyền thông, địa điểm, thời gian truyền thông đều phải chuyên biệt, phù hợp với VTN/TN. Phụ thuộc vào đặc điểm riêng biệt của các nhóm VTN/TN và ở các địa bàn riêng biệt và cần có cách tiếp cận phù hợp, thân thiện.

+ Thông điệp truyền thông xây dựng phù hợp với VTN/TN.

+ Tuyên truyền trên Đài truyền hình, tổ chức các sự kiện truyền thông; in ấn tài liệu, tờ rơi tuyên truyền.

+ Mô hình truyền thông chuyên biệt, tài liệu tập huấn, tài liệu truyền thông, đào tạo, tập huấn sẽ được thiết kế, xây dựng, thực hiện phù hợp với từng nhóm tuổi VTN/TN, nhóm đối tượng VTN/TN (đi học, đi làm, yếm thế) phù hợp với đặc điểm từng địa bàn triển khai.

- Hoạt động truyền thông chuyên biệt đáp ứng thành công các mục tiêu của kế hoạch triển khai đề án bao gồm truyền thông thông qua gia đình:

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục chuyên biệt nhằm cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng thực hành về DS/SKSS/KHHGD của VTN/TN cho các bậc cha mẹ, ông bà, anh chị trong gia đình của VTN/TN để trang bị những kiến thức, kỹ năng giáo dục VTN/TN về DS/SKSS/KHHGD.

+ Thành lập các điểm, câu lạc bộ, hội nhóm sinh hoạt chuyên biệt cho các đối tượng là các bậc cha mẹ, ông bà, anh chị của VTN/TN.

- Phối hợp với đơn vị chức năng của ngành giáo dục

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình/góc truyền thông giáo dục do giáo viên được trang bị kiến thức, kỹ năng về DS/SKSS/KHHGD cho VTN/TN chủ trì thực hiện. Các mô hình/góc truyền thông sẽ thu hút học sinh, sinh viên tham gia sinh hoạt ngoài giờ lên lớp về các chuyên đề DS/SKSS/KHHGD, hôn nhân, tầm soát bệnh tật bẩm sinh, tham gia các cuộc thi kiến thức, thi tìm hiểu về các vấn đề DS/SKSS/KHHGD.

+ Phối hợp với các đơn vị của hệ thống DS-KHHGD với các nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục về DS/SKSS/KHHGD cho học sinh, sinh viên.

- Phối hợp với đơn vị chức năng của Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Công đoàn, các tổ chức xã hội có liên quan.

+ Tổ chức các hoạt động truyền thông đặc thù (bao gồm cả cách thức, thời gian, địa điểm tiến hành) cho các thành viên của các đoàn thể, thanh niên lao động tham gia sinh hoạt, tìm hiểu các chuyên đề DS/SKSS/KHHGD, hôn nhân và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các vấn đề DS/SKSS/KHHGD nhằm tăng cường sức khỏe cho người lao động.

+ Xây dựng và nhân rộng các góc thân thiện với VTN/TN tại các cơ sở/điểm y tế của khu công nghiệp, doanh nghiệp, hội, đoàn thể để trao đổi, đối thoại, tìm hiểu kiến thức về DS/SKSS/KHHGD.

- Tổ chức hoạt động truyền thông đối với nhóm VTN/TN yếu thế

+ Chi cục DS-KHHGD tỉnh sẽ phối hợp với các tổ chức xã hội, các đoàn thể có liên quan xây dựng mô hình giáo dục chuyên biệt nhằm có cách tiếp cận phù hợp, thân thiện với nhóm VTN/TN yếu thế.

+ Chi cục DS-KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố Huế thành lập các điểm, câu lạc bộ tư vấn, giáo dục chuyên biệt về DS-KHHGD cho VTN/TN. Thí điểm, khuyến khích và hỗ trợ Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố Huế thành lập điểm tư vấn, giáo dục (bao gồm cung cấp dịch vụ) chuyên biệt về DS-KHHGD cho VTN/TN.

2. củng cố, hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ DS/SKSS/KHHGD thân thiện với VTN/TN

Dịch vụ DS/SKSS/KHHGD là các hoạt động phục vụ công tác dân số, bao gồm dịch vụ thông tin, giáo dục, vận động, hướng dẫn và tư vấn về dân số; cung cấp biện pháp chăm sóc SKSS/KHHGD, nâng cao chất lượng dân số và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

a) Lồng ghép với các hoạt động cung cấp dịch vụ cho VTN/TN

- Mở rộng và hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ DS/SKSS/KHHGD bao gồm tính sẵn có, an toàn, thuận tiện, thân thiện cho VTN/TN trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hướng dẫn các hiệu thuốc, người bán lẻ không phân biệt, bảo đảm bí mật, tính riêng tư khi cung cấp các phương tiện tránh thai, hàng hóa KHHGD cho VTN/TN.

- Trang bị kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ tư vấn, cung cấp dịch vụ chuyên biệt cho VTN/TN để tư vấn thân thiện về sức khỏe tiền hôn nhân, hôn nhân cận huyết thống và các yếu tố nguy cơ đến bệnh tật bẩm sinh cho VTN/TN trước khi đăng ký kết hôn.

- Tập huấn, đảm bảo thực hiện đúng hướng dẫn quy trình khám sức khỏe tiền hôn nhân, khám phát hiện bệnh tan máu bẩm sinh, sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh cho VTN/TN. Thực hiện đúng những quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình cung cấp các dịch vụ lâm sàng.

b) Hoạt động cung cấp dịch vụ DS-KHHGD chuyên biệt

- Xây dựng những điểm cung cấp dịch vụ thân thiện kiểu mới cho VTN/TN theo hướng dẫn của Trung ương. Phối hợp với các tổ chức xã hội, cơ sở cung cấp dịch vụ tư, dịch vụ công cùng kết hợp xây dựng và thực hiện.

- Các câu lạc bộ cung cấp dịch vụ thân thiện được thiết kế, xây dựng, thực hiện phù hợp với từng nhóm tuổi VTN/TN, nhóm đối tượng VTN/TN (đi học, đi làm, yếm thế) phù hợp với đặc điểm vùng, miền, đối tác triển khai.

- Các cán bộ cung cấp dịch vụ thân thiện với VTN/TN phải được đào tạo về cung cấp dịch vụ thân thiện với VTN/TN. Những nhân viên cung cấp dịch vụ được đào tạo các kiến thức, kỹ năng để tiếp cận với VTN/TN một cách thân thiện, kín đáo, tôn trọng sự riêng tư của VTN/TN, cư xử đúng mực; thời gian cung cấp dịch vụ linh hoạt, các cơ chế phù hợp.

3. Xây dựng các mô hình chuyên biệt

a) Mô hình giáo dục, cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho thanh niên tại các khu công nghiệp

- Xây dựng, hoàn thiện mạng lưới tuyên truyền viên về chăm sóc SKSS/KHHGD

- + Đại diện cán bộ y tế, bộ phận công đoàn hoặc cán bộ phụ trách nhân sự trong các doanh nghiệp hoạt động tại khu công nghiệp.

- + Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động và cung cấp dịch vụ về CS/SKSS/KHHGD phù hợp cho thanh niên, nhất là nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn, mới kết hôn.

- Cung cấp các tài liệu, tờ rơi để tuyên truyền về sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho thanh niên tại các khu công nghiệp.

- Nói chuyện chuyên đề trang bị kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho thanh niên tại các khu công nghiệp.

- Lồng ghép các nội dung về DS-KHHGD tuyên truyền cho thanh niên vào các buổi sinh hoạt giao lưu văn hóa, văn nghệ, hoặc các buổi họp tổ sản xuất, họp nhóm hoặc các hoạt động trong thời gian ăn trưa, tại các khu công nghiệp.

- Cung cấp kiến thức cơ bản về các dịch vụ DS/SKSS/KHHGD cho các nhà quản lý, cán bộ y tế khu công nghiệp.

- Lựa chọn triển khai cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và phương tiện tránh thai phù hợp với thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị, chuyên môn của y tế khu công nghiệp và mức thu nhập của công nhân.

- Tăng cường các dịch vụ DS/SKSS/KHHGD có chất lượng tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập trên địa bàn để có thể đáp ứng được nhu cầu cho công nhân.

b) Mô hình giáo dục về DS/KHHGD/SKSS cho VTN/TN trong nhà trường

- Lồng ghép nội dung giáo dục giới tính, bình đẳng giới, DS/SKSS/KHHGD vào các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông, các buổi sinh hoạt ngoại khóa.

- Xây dựng và duy trì các góc thân thiện trong nhà trường, cung cấp các tài liệu về giáo dục giới tính, hôn nhân-gia đình, kiến thức về DS/SKSS/KHHGD, chăm sóc sức khỏe sinh sản và giải đáp trực tiếp các thắc mắc của học sinh đảm bảo thân thiện, kín đáo và hiệu quả.

- Tổ chức các diễn đàn, các buổi tư vấn, nói chuyện chuyên đề nhằm cung cấp kiến thức về DS/SKSS/KHHGD cho VTN/TN.

- Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng tư vấn, tuyên truyền về DS/SKSS/KHHGD cho cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên trong nhà trường.

4. Tạo môi trường gia đình, xã hội thân thiện

- Tham mưu với các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo đối với các hoạt động của kế hoạch thực hiện đề án nói riêng cũng như đối với VTN/TN nói chung.

- Cung cấp thông tin, vận động, huy động các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia giáo dục DS-KHHGD, thay đổi quan niệm không tích cực với VTN/TN, ủng hộ VTN/TN được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và kỹ năng thực hiện các dịch vụ DS-KHHGD và giáo dục lối sống lành mạnh cho VTN/TN.

- Cung cấp thông tin, giáo dục cho các bậc cha mẹ, ông bà, anh chị của VTN/TN về lợi ích của việc bảo đảm cho VTN/TN được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức, thực hiện các dịch vụ DS-KHHGD; tham gia công tác truyền thông, cung cấp dịch vụ tại điểm/câu lạc bộ.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách hỗ trợ giúp VTN/TN thuộc hộ nghèo, đối tượng chính sách xã hội, cư trú ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn được các dịch vụ miễn phí về tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân, khám phát hiện bệnh Thalassemia và các yếu tố nguy cơ đến bệnh tật bẩm sinh.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách hỗ trợ cán bộ tư vấn, cán bộ kỹ thuật khám sức khỏe tiền hôn nhân, khám phát hiện bệnh dị tật bẩm sinh và các yếu tố nguy cơ đến bệnh tật bẩm sinh.

- Tăng cường xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ DS-KHHGD cho VTN/TN. Đề xuất xây dựng các cơ chế tiếp thị xã hội, cơ chế thị trường, cơ chế huy động nguồn lực nhằm huy động sự đóng góp của VTN/TN, giảm bớt áp lực đối với ngân sách nhà nước; xác nhận điểm cung cấp dịch vụ thân thiện đối với VTN/TN.

5. Nâng cao năng lực, quản lý chương trình

a) Hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

- Hội thảo với các nhà quản lý về thực trạng và biện pháp nâng cao năng lực cho VTN/TN, các tổ chức và cán bộ các cấp, các đơn vị và người cung cấp dịch vụ DS-KHHGD các cấp; cơ chế, chính sách, biện pháp xã hội hóa công tác truyền thông, cung cấp dịch vụ và trợ giúp VTN/TN chủ động thực hiện các hành vi có lợi về DS-KHHGD.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ truyền thông, tư vấn của hệ thống DS-KHHGĐ các cấp về kiến thức, kỹ năng tư vấn và đặc điểm phát triển tâm, sinh lý, thể chất của lứa tuổi VTN/TN và kỹ năng làm việc với VTN/TN.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cập nhật về chuyên môn, kỹ thuật về tầm soát dị tật bẩm sinh: nhu cầu và tâm sinh lý VTN/TN; kỹ năng làm việc với VTN/TN cho những người thường xuyên cung cấp dịch vụ tầm soát dị tật bẩm sinh và cán bộ điều hành chuyên môn. Đào tạo chuyên biệt người cung cấp dịch vụ để làm việc với VTN/TN.

- Đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức về tâm lý, đặc điểm phát triển sinh lý, thể chất của VTN/TN; các kỹ năng truyền thông, tư vấn đối với VTN/TN; chính sách pháp luật DS-KHHGĐ đối với VTN/TN; các quy định chuyên môn, quy trình thực hiện dịch vụ DS-KHHGĐ.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho người cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ các cấp về kiến thức cập nhật, các loại dịch vụ, quy trình dịch vụ, các thủ tục cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ cho VTN/TN và đặc điểm phát triển tâm, sinh lý, thể chất của lứa tuổi VTN/TN và kỹ năng làm việc với VTN/TN.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho người cung cấp dịch vụ tầm soát dị tật bẩm sinh và cán bộ điều hành chuyên môn về kiến thức cập nhật chuyên môn, kỹ thuật tầm soát dị tật bẩm sinh và đặc điểm phát triển tâm, sinh lý, thể chất của lứa tuổi VTN/TN và kỹ năng làm việc với VTN/TN.

- Cung cấp trang thiết bị, tài liệu cho góc thân thiện.

b) Tổ chức thực hiện nghiên cứu:

- Nghiên cứu, đánh giá về nhu cầu của VTN/TN và mức độ chấp nhận của VTN/TN đối với cung cấp thông tin, truyền thông và cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ thân thiện.

- Nghiên cứu về tác động của giáo dục đồng đẳng, sinh hoạt của câu lạc bộ, xây dựng góc thân thiện, việc trao đổi giữa cha mẹ và con cái, tương tác giữa giáo viên và học sinh, giữa cán bộ đoàn thanh niên với VTN/TN.

- Nghiên cứu về phối hợp và cơ chế phối hợp trong việc truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ kỹ thuật; trong quản lý và điều hành tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động về DS-KHHGĐ đối với VTN/TN.

c) Quản lý thực hiện

- Thu thập thông tin, khảo sát, đánh giá đầu vào, đầu ra của Đề án nhằm so sánh các chỉ tiêu, chỉ báo, đánh giá kết quả Đề án vào năm 2020. Những lĩnh vực sẽ được thu thập thông tin, khảo sát, đánh giá: về thực trạng, môi trường chính sách, xã hội thân thiện với VTN/TN; về cơ sở vật chất của các cơ sở cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ; sự sẵn sàng cung cấp dịch vụ thân thiện cho VTN/TN của đội ngũ nhân viên về kiến thức, thái độ, kỹ năng thực hành các hành vi có lợi về DS-KHHGĐ của VTN/TN.

- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kiểm tra, giám sát, quản lý tài chính, tổ chức hội nghị hàng năm, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch.

IV. THỜI GIAN, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Thời gian: Thời gian triển khai từ 2021-2025

- Năm 2021

+ Thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn của Trung ương và địa phương như tổ chức nói chuyện chuyên đề, tư vấn cộng đồng, diễn đàn, tập huấn, hội thảo, hội nghị cung cấp kiến thức, kỹ năng tư vấn về DS/SKSS/KHHGD thân thiện dành cho VTN/TN cho các nhà quản lý và cung cấp dịch vụ và cho VTN/TN.

+ Tổ chức các buổi cung cấp thông tin, lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD cho VTN/TN trong nhà trường, khu công nghiệp.

- Năm 2022

+ Tiếp tục duy trì triển khai các hoạt động như năm 2021 và thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn của Tổng cục DS-KHHGD.

+ Lựa chọn các mô hình tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn để cung cấp các thông tin về CS/SKSS/KHHGD cho VTN/TN, hậu quả tảo hôn, hôn nhận cận huyết thống tiến tới đẩy lùi tình trạng này, đồng thời lồng ghép cung cấp dịch vụ CS/SKSS/KHHGD.

- Năm 2023 và 2024

+ Tiếp tục duy trì triển khai các hoạt động như năm 2022 và thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn của Tổng cục DS-KHHGD.

- Năm 2025

+ Tiếp tục duy trì triển khai các hoạt động như năm 2024 và thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn của Tổng cục DS-KHHGD.

+ Tổ chức hội thảo đánh giá giai đoạn 2021-2025, xây dựng phương hướng nhiệm vụ cho giai đoạn 2026-2030.

2. Phạm vi triển khai

Các xã, phường, thị trấn; các huyện, thị xã, thành phố Huế và các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Đối tượng

- Đối tượng đích: VTN/TN, đặc biệt là nhóm thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn, mới kết hôn, thanh niên ở vùng sâu vùng, vùng khó khăn.

- Đối tượng tham gia

+ Cán bộ DS-KHHGD, Y tế.

+ Cơ quan DS-KHHGD, Y tế.

+ Các cấp ủy Đảng, chính quyền và ban, ngành, đoàn thể.

+ Gia đình, nhà trường, cộng đồng, xã hội và khu công nghiệp.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Những giải pháp chủ yếu

a) Lãnh đạo, tổ chức và quản lý

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền đối với công tác DS/SKSS/KHHGD cho VTN/TN. Coi công tác này là một nội dung trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch công tác thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông và cung cấp dịch vụ DS/SKSS/KHHGD cho VTN/TN. Phối hợp với các đơn vị, cá nhân, tổ chức có liên quan trong thực hiện kế hoạch.

b) Giáo dục chuyển đổi hành vi

Tăng cường phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về DS/SKSS/KHHGD đối với VTN/TN cho cộng đồng, xã hội. Triển khai có hiệu quả các hoạt động truyền thông, giáo dục với nội dung, hình thức và cách tiếp cận phù hợp với VTN/TN trong đó đặc biệt lưu ý đến nhóm yếu thế; Tăng cường các hoạt động truyền thông giáo dục về DS/SKSS/KHHGD trong các nhà trường, các khu công nghiệp; Phối hợp các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội... thực hiện truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi. Tăng cường sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại như internet. Thí điểm các mô hình truyền thông thân thiện, phù hợp với VTN/TN.

c) Dịch vụ DS-KHHGD

- Nâng cao chất lượng dịch vụ DS-KHHGD cho VTN/TN tại các cơ sở cung cấp dịch vụ, nâng cấp cơ sở hạ tầng, bổ sung trang thiết bị và tập huấn cập nhật kiến thức cho những người cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho VTN/TN, nâng cao chất lượng hệ thống hậu cần, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các phương tiện tránh thai.

- Tăng cường chất lượng đồng thời mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc và điều trị sớm một số bệnh liên quan đến đường sinh sản cho VTN/TN.

d) Tạo môi trường gia đình, nhà trường và xã hội thân thiện với VTN/TN

- Tích cực rà soát, nghiên cứu, đề xuất xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách về DS-KHHGD cho VTN/TN, cơ chế hỗ trợ VTN/TN là người dân tộc, hộ nghèo, vùng khó khăn, nhóm yếu thế được tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ DS-KHHGD cho VTN/TN.

- Tăng cường sự tham gia phối hợp đồng bộ của các trường phổ thông trung học trong việc giáo dục và cung cấp những kiến thức phù hợp về DS-KHHGD ở tuổi VTN/TN.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của gia đình phấn đấu giảm tối đa trẻ VTN/TN vi phạm chính sách DS-KHHGD.

2. Kinh phí: Đã được phê duyệt tại Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hằng năm, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội, Chiến lược Dân số. Giao cơ quan thường trực là Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh.

- Là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo có trách nhiệm triển khai và tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai “Đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ cho VTN/TN giai đoạn 2021-2025”.

- Chỉ đạo Chi cục DS-KHHGĐ xây dựng kế hoạch, tổ chức quản lý, điều hành triển khai có hiệu quả các hoạt động của kế hoạch.

- Hàng năm, phối hợp với sở, ngành liên quan xây dựng dự toán ngân sách triển khai thực hiện kế hoạch gắn với kế hoạch phát triển sự nghiệp y tế của tỉnh gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Định kỳ hằng năm, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện; sau khi kết thúc năm 2025, tiến hành sơ kết đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng kế hoạch giai đoạn năm 2026-2030.

2. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị để xây dựng kế hoạch hoạt động, lồng ghép các hoạt động của đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ cho VTN/TN vào hoạt động của đơn vị và thực hiện có hiệu quả chính sách DS-KHHGĐ trong cơ quan, đơn vị.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của kế hoạch để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

- Chủ động chỉ đạo, tổ chức thực hiện, bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách địa phương thực hiện toàn diện, đồng bộ công tác dân số đã được phân cấp theo quy định. Ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách, chỉ đạo điều hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân và nhân dân thực hiện có hiệu quả các nội dung kế hoạch.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch tại địa phương, tổng hợp, định kỳ gửi kết quả triển khai về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ cho VTN/TN giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung của Kế hoạch, các sở, ban ngành, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Y tế) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị có tên tại Mục VI;
- VP: CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VH.



Nguyễn Thanh Bình